

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 5 – 2022
V/v Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyên.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Nhưng từ năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, anh H ghen tuông mù quáng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị P trình bày là đúng. Anh và chị P

chung sống từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh cũng thống nhất.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P và anh H đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: chị Trần Thị P là nguyên đơn trong vụ án và anh Huỳnh Thanh H là bị đơn trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trần Thị P và anh Huỳnh Thanh H chung sống như vợ chồng từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của anh chị không được công nhận hợp pháp, không được công nhận là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: các đương sự khai không có, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Trần Thị P và anh Huỳnh Thanh H là vợ chồng.

2. Về án phí: buộc chị Trần Thị P chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007712 ngày 20/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã H, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Quyền – Nguyễn Văn Dương

Lê Hoàng Em